

Số: /2022/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức trần thù lao công chứng, dịch thuật
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 20/TTr-STP ngày 30 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam và từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài; nguyên tắc áp dụng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;
2. Các tổ chức hành nghề công chứng;
3. Cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;
4. Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng, dịch thuật.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc thu thù lao công chứng, dịch thuật bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Mức thu thù lao được quy định tại Quyết định này không bao gồm phí công chứng và lệ phí chứng thực theo quy định.

Điều 4. Mức trần thù lao công chứng

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/hợp đồng) (Đã bao gồm thuế GTGT)
1	Soạn thảo Hợp đồng thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, mua bán, tặng cho, cho thuê, cho mượn, chia tách, đổi nhà đất, hợp đồng góp vốn, vay tiền	200.000
2	Soạn thảo Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	250.000
3	Soạn thảo Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô	100.000
4	Soạn thảo Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy	50.000
5	Soạn thảo Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung phụ lục Hợp đồng	150.000
6	Soạn thảo Hợp đồng, văn bản hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	150.000
7	Soạn thảo Hợp đồng ủy quyền	200.000
8	Soạn thảo Giấy ủy quyền	100.000
9	Soạn thảo văn bản cam đoan, cam kết	100.000
10	Soạn thảo Hợp đồng khác, giao dịch khác	200.000
11	Niên yết thông báo hồ sơ thừa kế	150.000
12	Soạn thảo Văn bản khai nhận, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế	250.000
13	Soạn thảo Di chúc	250.000
14	Soạn thảo Văn bản từ chối nhận di sản	100.000
15	Soạn thảo Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ, chồng, hộ gia đình	200.000
16	Soạn thảo Văn bản thỏa thuận khác	200.000
17	Khai thác hồ sơ lưu công chứng	200.000
18	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến Hợp đồng, giao dịch	Tối đa không quá 3.000đ/01 tờ A4 - Tối đa không quá 5.000đ/01 tờ A3
19	Công chứng ngoài trụ sở (chỉ áp dụng cho một lần công	

	chứng tại một địa điểm đối với một văn bản công chứng)	
	Dưới 5km	200.000
	Từ 05 km đến dưới 10km	300.000
	Từ 10km đến dưới 50 km	500.000
	Từ 50 km đến dưới 150 km	1.500.000
	Trên 150km	Do thỏa thuận

Điều 5. Mức trần thù lao dịch thuật

STT	Nội dung	Mức thu (Đồng/trang) (Đã bao gồm thuế GTGT)
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam	
	Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt Nam	120.000
	Dịch từ tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Đức, Nga, Séc sang tiếng Việt Nam	180.000
	Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang tiếng Việt Nam	200.000
2	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài	
	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng Anh	150.000
	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Đức, Nga, Séc	200.000
	Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài khác	220.000

Đơn vị tính: một trang văn bản cần dịch có số lượng từ tối đa là 350 chữ.

Đối với các giấy tờ văn bản có nhiều trang mà nội dung của các trang sau có tính chất, đặc điểm như trang trước (hộ khẩu, học bạ) thì từ trang thứ 02 (hai) trở đi mức thu tính bằng 1/2 mức thu quy định tại Điều này.

Điều 6. Trách nhiệm của Phòng Tư pháp cấp huyện và tổ chức hành nghề công chứng

1. Niêm yết, phối hợp niêm yết công khai mức trần thù lao tại trụ sở, Bộ phận một cửa cấp huyện để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công chứng, dịch thuật biết và thực hiện.

2. Quản lý và sử dụng số tiền thu từ thù lao công chứng, dịch thuật theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quyết định số 473/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2015 của

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức trần thù lao công chứng và dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Phòng Tư pháp huyện, thành phố; các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 7;
- Cục Bổ trợ tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị, Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn